

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2018

V/V tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Châu Tiếp**.

2. Bà **Lý Thị Bé Năm**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Thoa** – Cán bộ TAND thị xã C, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Như Th**, sinh năm 1980. (Có mặt)

HKTT: Số 01, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

Nơi cư trú hiện nay: Ấp S, xã H, huyện L, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Đồng Văn D**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 01, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Như Th trình bày:* Do quen biết trước chị Hồ Như Th và anh Đồng Văn D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 6 năm 2002 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 213 ngày 19/7/2004, do UBND xã B, huyện L, tỉnh Tiền Giang (nay là thị xã C, tỉnh Tiền Giang) Sau khi cưới về sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống do tánh tình không hợp nhau và mỗi lần xảy ra mâu thuẫn thì anh D thường hay xúc phạm đến danh dự của chị Th, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên nên chị Th có làm đơn xin ly hôn với anh D vào tháng 3 năm 2017. Sau đó chị Th rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ lại lo cho con, nhưng khi trở về sống chung không hạnh phúc mà tiếp tục xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm

2018 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu xin được ly hôn với anh D, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đồng Phúc V, sinh ngày 23/9/2003. Con hiện nay do chị Th đang nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Đồng Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày thể hiện trong hồ sơ như sau: Về hôn nhân cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày của chị Th là đúng, nhưng anh D không đồng ý ly hôn mà yêu cầu vợ chồng đoàn tụ lại để lo cho con. Về con chung 01 con chung tên Đồng Phúc V, sinh ngày 23/9/2003, nếu ly hôn anh D đồng ý giao con cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị Th. Về tài sản chung và nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Như Th cho chị Hồ Như Th được ly hôn với anh Đồng Văn D.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đồng Phúc V, sinh ngày 23/9/2003 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị Th chưa có yêu cầu. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo anh D và chị Th thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: Chị Hồ Như Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn anh Đồng Văn D. Xét thấy, bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh D.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu xin được ly hôn với anh Đồng Văn D. Xét thấy, chị Th và anh D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 06 năm 2002, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 213 ngày 19/7/2004, do UBND xã B, huyện L, tỉnh Tiền Giang (nay là thị xã C, tỉnh Tiền Giang) cấp nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới về

sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống do tánh tình không hợp nhau và mỗi lần xảy ra mâu thuẫn thì anh D thường hay súc phạm đến danh dự của chị Th, từ đó vẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên nên chị Th có làm đơn xin ly hôn với anh D vào tháng 3 năm 2017. Sau đó chị Th rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ lại để lo cho con, nhưng khi trở về sống chung không hạnh phúc mà tiếp tục xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh D, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Còn anh D thì vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ không đồng ý ly hôn mà yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để lo cho con. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh D và chị Th nhiều lần đến để hòa giải về việc chị Th xin ly hôn với anh D nhưng chị Th vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, không đồng ý vợ chồng đoàn tụ trở về sống chung; còn phía anh D thì yêu cầu vợ chồng đoàn tụ lại sống chung nhưng không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau. Hơn nữa, giữa chị Th và anh D trước đây cũng đã xảy ra mâu thuẫn với nhau và chị Th có làm đơn xin ly hôn với anh D. Sau đó chị Th rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ sống chung, nhưng khi đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc mà tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2018 cho đến nay. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th và cho chị Hồ Như Th được ly hôn với anh Đồng Văn D.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Đồng Phúc V, sinh ngày 23/9/2003. Con hiện do chị Th đang nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con hiện nay do phía chị Th đang nuôi dưỡng, còn phía anh D có ý kiến thể hiện trong hồ sơ cũng đồng ý giao con cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Hơn nữa, theo lời khai của cháu Vinh cũng xin được sống chung với chị Th, khi chị Th và anh D ly hôn nhau; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Th và tiếp tục giao cháu Đồng Phúc V cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo anh D và chị Th khai để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hồ Như Th phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228; các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và

gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Như Th. Cho chị Hồ Như Th được ly hôn với anh Đồng Văn D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đồng Phúc V, sinh ngày 23/9/2003 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th chưa có yêu cầu. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Hồ Như Th phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0001686 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy nên chị Th đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Đồng Văn D thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn